

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Ông **TRẦN THANH TÙNG**

-Thư ký phiên tòa: Ông **TRẦN MINH CƯỜNG** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **PHẠM THỊ HOÀNG O**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN VĂN B**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 25/02/2020 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Hoàng O trình bày:

Do quen biết nên chị và anh B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh B nhậu nhẹt về bạo hành, xúc phạm danh dự của chị và anh chị đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay chị cương quyết yêu cầu ly hôn anh B.

Con chung có hai cháu tên Nguyễn Phạm Hữu H, sinh năm 1997; Nguyễn Phạm Hoàng D, sinh năm 2001. Hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung không có và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/3/2020 và lời khai tại Tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị O về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh cũng cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hiểu nhau nên hay cự cãi và cũng đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh B vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa, chị O và anh B đều trình bày thống nhất là anh chị xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân khoảng hai năm nay. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn chị O cho rằng do anh B nhậu nhẹt về bạo hành và xúc phạm danh dự của chị nên chị cương quyết xin ly hôn anh B. Đối với anh B thì cho rằng vợ chồng chỉ bất đồng quan điểm hay tranh cãi nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy, cho chị O được ly hôn anh B là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trong thời gian ly thân cũng như trong các buổi hòa giải tại Tòa, anh B cũng không đưa ra được giải pháp nào thiết thực, thuyết phục chị O để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời, tại Tòa chị O xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn hàn gắn với anh B nên không có biện pháp nào để vợ chồng sum họp, đoàn tụ được. Từ các phân tích trên xác định cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị O là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Có hai cháu tên Nguyễn Phạm Hữu H, sinh năm 1997; Nguyễn Phạm Hoàng D, sinh năm 2001. Hiện đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[3] *Về tài sản chung:* Anh, chị thống nhất trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Anh, chị thống nhất không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị O phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Hoàng O. Cho chị Phạm Thị Hoàng O được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Có hai cháu tên Nguyễn Phạm Hữu H, sinh năm 1997; Nguyễn Phạm Hoàng D, sinh năm 2001. Hiện đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị O phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0003210 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

